

**BỘ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI**  
**Số: 41/2020/TT-BGTVT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
***Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020***

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày**

**29 tháng 3 năm 2020 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không  
Việt Nam**

***Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa  
đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11  
năm 2014;***

***Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;***

***Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và  
cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;***

***Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;***

***Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29  
tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.***

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Điểm kiểm tra an ninh hàng không là vị trí làm việc của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được thiết lập tại các cổng, cửa, lối đi giữa các khu vực hạn chế hoặc giữa khu vực hạn chế với khu vực khác, nhằm kiểm tra an ninh hàng không người, phương tiện, đồ vật, duy trì an ninh trật tự khu vực điểm kiểm tra an ninh hàng không.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 17 Điều 3 như sau:

“17. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không là việc thực hiện các kỹ thuật nghiệp vụ và biện pháp giám sát để đánh giá hiện trạng công tác bảo đảm an ninh hàng không, khắc phục các hạn chế trong công tác bảo đảm an ninh hàng không được phát hiện. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không bao gồm các hoạt động: giám sát thường xuyên, thanh tra, kiểm tra chất lượng, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không, thống kê, phân tích số liệu và các biện pháp khác.

a) Kiểm tra chất lượng an ninh hàng không là việc kiểm tra sự tuân thủ các quy định trong chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, chấp thuận;

b) Thử nghiệm an ninh hàng không là việc thực hiện hành vi giả định can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng bằng hình thức công khai hoặc bí mật nhằm sát hạch hiệu quả của biện pháp bảo đảm an ninh hàng không;

c) Điều tra an ninh hàng không là việc tiến hành làm rõ hành vi can thiệp bất hợp pháp, hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm an ninh hàng không;

d) Đánh giá an ninh hàng không là việc thẩm định sự tuân thủ một số hoặc toàn bộ các tiêu chuẩn, quy định về an ninh hàng không do Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế, nhà chức trách hàng không, hãng hàng không tiến hành.”

3. Bổ sung khoản 20a Điều 3 như sau:

“20a. Khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay là khu vực do chủ thể có quyền tổ chức khai thác khu vực đó xác định cụ thể trong chương trình, quy chế an ninh hàng không mà hành khách đi tàu bay, phương tiện, người đón, tiễn, gửi, nhận hàng

hóa, bưu gửi có thể tiếp cận mà chưa qua kiểm tra an ninh hàng không. Khu vực công cộng là một trong các khu vực cụ thể sau:

- a) Khu vực thuộc nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa mà không phải khu vực hạn chế và không phải các khu vực sử dụng riêng của các cơ quan, đơn vị;
- b) Khu vực đường giao thông, bãi đỗ xe dành cho hành khách đi tàu bay;
- c) Các cửa hàng, trung tâm thương mại, khu vui chơi, giải trí công cộng dành cho hành khách, người đón, tiễn, gửi, nhận hàng hóa, bưu gửi ở liền kề sân bay, nhà ga, đường giao thông, bãi đỗ xe dành cho hành khách đi tàu bay.”

4. Bổ sung khoản 27a Điều 3 như sau:

“27a. Phương tiện tự hành là phương tiện kỹ thuật khu bay tự di chuyển được.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Doanh nghiệp, đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không gửi 01 bộ hồ sơ (hồ sơ bằng tiếng Việt đối với doanh nghiệp Việt Nam, hồ sơ bằng tiếng Anh đối với hãng hàng không nước ngoài) trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Chương trình, quy chế an ninh hàng không;
- c) Bảng đánh giá nội dung khác biệt của chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt đối với hồ sơ trình chấp thuận chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với thủ tục phê duyệt, chấp thuận chương trình, quy chế an ninh hàng không) hoặc 05 ngày làm việc (đối với thủ tục phê duyệt, chấp thuận sửa đổi, bổ sung chương trình, quy chế an ninh hàng không) tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, xem xét tổ chức kiểm tra thực tế nếu cần:

- a) Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này: ra quyết định phê duyệt hoặc chấp thuận (đối với chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài);
- b) Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không chưa đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này: có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung, sửa đổi chương trình, quy chế.”

7. Bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Các quy định về giấy phép kiểm soát an ninh hàng không cấp cho phương tiện trong Thông tư này chỉ áp dụng đối với phương tiện tự hành và phương tiện giao thông đường bộ.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn tại 01 cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không cho các đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 14 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ thời điểm thẻ, giấy phép được cấp có hiệu lực.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực căn cứ vào yêu cầu của người đề nghị cấp và kết quả thẩm định hồ sơ, bao gồm giấy phép được sử dụng 01 lần trong vòng 01 ngày (24 giờ) kể từ thời điểm giấy phép được cấp có hiệu lực và giấy phép được sử dụng nhiều lần nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ thời điểm giấy phép được cấp có hiệu lực.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, du lịch tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động;”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 14 như sau:

“b) Người đến nhận thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn phải đọc, hiểu quy định về sử dụng thẻ tại Thông tư này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng thẻ đến người sử dụng thẻ. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người giám sát, hộ tống vào, hoạt động trong khu vực hạn chế theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Thông tư này;”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 14 như sau:

“9. Phương tiện quy định tại khoản 8 Điều này chỉ được cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn khi người đến nhận giấy phép đọc, hiểu quy định về sử dụng giấy phép tại Thông tư này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng giấy phép đến người sử dụng giấy phép. Người sử dụng giấy phép chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người đi cùng hoặc phương tiện dẫn đường theo quy định tại khoản 6 Điều 32 Thông tư này.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không khu vực.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 30 như sau:

“5. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải thông báo ngay bằng văn bản hoặc cập nhật vào cơ sở dữ liệu an ninh hàng không danh sách các trường hợp mất thẻ, giấy phép do đơn vị mình cấp cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không làm nhiệm vụ tại khu vực hạn chế ghi trên thẻ, giấy phép bị mất và Cục Hàng không Việt Nam để kịp thời ngăn chặn việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất; trong vòng 15 ngày sau khi nhận được thẻ, giấy phép mất giá trị sử dụng cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải tiêu hủy thẻ, giấy phép.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 32 như sau:

“6. Phương tiện vào, hoạt động trong khu vực hạn chế của sân bay phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không hoặc nhân viên có giấy phép khai thác phương tiện mặt đất giám sát hoặc phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay dẫn đường trong các trường hợp sau:

- a) Người điều khiển phương tiện chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng ngắn hạn;
- b) Người điều khiển phương tiện không có chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành phương tiện trong sân đỗ tàu bay do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;
- c) Phương tiện hoạt động không thường xuyên trong khu bay.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 32 như sau:

“9. Việc ghi âm, ghi hình trong khu vực hạn chế quy định tại khoản 1 Điều 31 Thông tư này hoặc tại các điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc trong nơi làm việc của cơ quan quản lý Nhà nước tại cảng hàng không phải được đơn vị chủ quản cho phép bằng văn bản, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Việc ghi âm, ghi hình thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước;
- b) Ghi âm, ghi hình tại phòng chờ lên tàu bay, chờ lấy hành lý mà không phải điểm kiểm tra an ninh hàng không;
- c) Cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không ghi âm, ghi hình phục vụ công vụ theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao.”

18. Bổ sung khoản 9a Điều 32 như sau:

“9a. Những địa điểm không được phép ghi âm, ghi hình mà hành khách, người dân có thể tiếp cận thì đơn vị chủ quản phải có biển cảnh báo đặt ở vị trí có thể dễ dàng quan sát.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 32 như sau:

“10. Trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản của người và phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn có trách nhiệm phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế để kiểm soát hoạt động của người và phương tiện mà không cần thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, kiểm soát an ninh nội bộ.”

20. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 34 như sau:

“a) Tại các cổng, cửa, lối đi giữa khu vực hạn chế và khu vực khác;”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

“1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật đưa vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế.”

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

**“Điều 38. Kiểm tra, giám sát an ninh khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay và các công trình liền kề nhà ga, sân bay, công trình hàng không**

1. Người, phương tiện đi lại và hoạt động tại các khu vực công cộng phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, các quy định của cảng hàng không, sân bay, chấp hành theo sự hướng dẫn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, chấp hành quy định về đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn văn minh, lịch sự.

2. Người khai thác cảng hàng không chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng công an (đối với những cảng hàng không có lực lượng công an làm nhiệm vụ thường xuyên tại cảng) và Cảng vụ hàng không quyết định số lượng, vị trí, thời gian hoạt động của các điểm kiểm soát an ninh hàng không; **phân luồng, tuyến, thời gian dừng, đỗ phương tiện, các khu vực hoạt động đón, tiễn của hành khách, khu vực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực** công cộng cảng hàng không.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm soát an ninh hàng không, hướng dẫn người và phương tiện tham gia giao thông; điều tiết số lượng người, phương tiện vào, hoạt động tại khu vực sân đỗ ô tô, luồng giao thông nội cảng, khu vực làm thủ tục hàng không và các khu vực công cộng khác tại cảng hàng không, sân bay; phối hợp với lực lượng công an duy trì trật tự tại các khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong trường hợp cần tăng cường bảo đảm an ninh hàng không, trật tự công cộng, xử lý vi phạm.

4. Việc bố trí lực lượng tuần tra, giám sát, thiết bị chuyên dụng, trình tự kiểm tra, giám sát an ninh phải bảo đảm phát hiện và xử lý kịp thời đồ vật, hành lý, hàng hóa, phương tiện không xác nhận được chủ, hành vi gây rối, vi phạm pháp luật tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay và phải được mô tả cụ thể trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

5. Đồ vật, hành lý, tài sản của hành khách đi tàu bay hoặc người đưa tiễn gửi ở khu vực trông giữ tại khu vực công cộng của nhà ga hành khách phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng các biện pháp thích hợp trước khi tiếp nhận.

6. Đối với nhà ga hàng hóa, nhà kho hàng hóa, đơn vị quản lý khai thác nhà ga, nhà kho chịu trách nhiệm tổ chức **phân luồng, tuyến; quy định thời gian dừng, đỗ phương tiện**, điều tiết số lượng người, phương tiện vào, hoạt động tại khu vực thuộc nhà ga, nhà kho; **quy định các khu vực bốc dỡ, chất xếp, dừng đỗ phương tiện, khu vực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**, khu vực làm thủ tục hàng không và các khu vực công cộng khác **thuộc phạm vi trách nhiệm**; phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, công an duy trì trật tự chung tại cảng hàng không, sân bay; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong trường hợp cần tăng cường bảo đảm an ninh hàng không, trật tự công cộng, xử lý vi phạm.

7. Bố trí, lắp đặt các rào cản thích hợp hoặc thực hiện kiểm soát an ninh bằng biện pháp phù hợp với đánh giá rủi ro an ninh hàng không để ngăn chặn việc người, phương tiện tiếp cận trái phép hoặc ngăn chặn việc đưa, ném đồ vật vào khu vực hạn chế trái phép.

8. Đường giao thông trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa, bãi đỗ xe mô tô, ô tô trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa phải thiết lập điểm kiểm soát để điều tiết xe mô tô, ô tô vào, ra và kiểm tra an ninh hàng không khi cần. Bãi đỗ xe mô tô, ô tô ngắn hạn (cho phép đỗ xe mô tô, ô tô dưới 24 giờ) không được bố trí liền kề nhà ga (trừ trường hợp bãi đỗ phương tiện chờ hàng hóa, bưu gửi tiếp cận nhà ga hàng hóa, nhà kho hàng hóa để bốc dỡ, chất xếp hàng hóa, bưu gửi), đài kiểm soát không lưu, trạm cấp điện cho nhà ga, trạm cấp điện cho đài kiểm soát không lưu.

9. Đường giao thông trước cửa nhà ga, đài kiểm soát không lưu phải cách nhà ga tối thiểu 30 mét. Liền kề đường giao thông trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa, bãi đỗ xe mô tô, ô tô trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa phải bố trí các vật cản

cố định hoặc di động để ngăn chặn việc dùng phương tiện giao thông tấn công vào nhà ga, sân bay. Quy định này được áp dụng đối với các công trình nhà ga, đài kiểm soát không lưu được phê duyệt thiết kế xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2021.”

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 39 như sau:

“5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của các cơ quan, đơn vị phối hợp với công an địa phương liên quan tuần tra khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, khu vực hạn chế bên ngoài cảng hàng không, sân bay khi có yêu cầu nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.”

24. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 40 như sau:

“a) Thùng đựng hàng hóa, bưu gửi, thùng hoặc mâm đựng hàng hóa rời, hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận, tủ, túi đựng suất ăn;”

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 41 như sau:

“5. Hành khách, hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh bằng soi chiếu an ninh hàng không trước khi vào khu vực hạn chế 100%, trừ trường hợp được miễn kiểm tra an ninh hàng không theo quy định; hành khách từ chối soi chiếu an ninh hàng không sẽ bị từ chối vận chuyển.”

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 41 như sau:

“6. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có thiết bị soi chiếu cơ thể (không áp dụng đối với sân bay chuyên dùng), buồng để tiến hành lục soát an ninh hàng không; có máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, thiết bị thông tin liên lạc, các thiết bị, dụng cụ cần thiết khác.”

27. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 Điều 41 như sau:

“b) Hành khách đi qua cổng từ hoặc thiết bị soi chiếu cơ thể (nếu có), nếu cổng từ hoặc thiết bị soi chiếu cơ thể báo động hoặc hành khách có biểu hiện nghi vấn thì nhân viên kiểm soát an ninh hàng không sử dụng kết hợp thiết bị phát hiện kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan;”

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 41 như sau:

“13. Kiểm tra bổ sung ngẫu nhiên tối thiểu 10% (bao gồm kiểm tra trực quan hoặc kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị, động vật phát hiện chất nổ) sau kiểm tra an ninh hàng không lần đầu đối với hành khách, hành lý xách tay. Việc kiểm tra trực quan ngẫu nhiên được thực hiện tại điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc đưa hành khách vào buồng lục soát khi có yêu cầu (của hành khách hoặc cấp có thẩm quyền). Việc kiểm tra trực quan bảo đảm tỷ lệ kiểm tra được phân đều, liên tục trong thời gian hoạt động của điểm kiểm tra an ninh trong ngày. Phương pháp, quy trình kiểm tra trực quan ngẫu nhiên hành khách, hành lý xách tay được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.”

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 như sau:

“2. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng máy soi tia X; nếu có nghi vấn phải được tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ hoặc các biện pháp thích hợp khác. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý ký gửi phải được lục soát an ninh hàng không.”

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 50 như sau:

“5. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát đã được kiểm tra an ninh hàng không mà phải vận chuyển qua các khu vực không phải khu vực hạn chế để ra tàu bay, phương tiện vận chuyển phải có người hộ tống hoặc có biện pháp giám sát thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.”

31. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 50 như sau:

“7. Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không phải kiểm tra an ninh hàng không khi có tờ khai an ninh chứng minh việc kiểm tra an ninh hàng không đã được thực hiện 100% đối với hàng hóa, bưu gửi tại điểm xuất phát và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay, sân đỗ tàu bay hoặc không rời khỏi khu vực hạn chế và có sự giám sát an ninh hàng không thích hợp liên tục;

b) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển từ sân đỗ tàu bay vào khu vực lưu giữ hàng hóa qua khu vực không phải khu vực hạn chế và ngược lại được niêm phong an ninh và có biện pháp giám sát an ninh thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.”